

Bản án số: 188/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14/5/2019
V/v: Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Thanh Hoàng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thanh Hùng;
2. Ông Võ Hoàng Nghiệp.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Nguyễn Thiết Bánh – Kiểm sát viên.

Trong ngày **14** tháng **5** năm **2019** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 70/2019/TLST – HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2019 về việc “*Xin ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Diễm M**, sinh năm: **1998**.

Cư trú: số 1325, ấp 3, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Ông **Phạm Văn T**, sinh năm: **1989**.

Cư trú: tổ 5, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

Các đương sự có mặt phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai bà Lê Thị Diễm M trình bày: Hôn nhân giữa bà và ông T là do tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được hai bên gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V ngày 30/12/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà ông T được thời gian, do không có thu nhập ổn định nên hai vợ chồng cùng nhau đi về Đồng Tháp làm công nhân được một thời gian thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T không muốn đi làm mà về phụ giúp gia đình nhưng bà không đồng ý nên vợ chồng phát sinh tranh cãi nhiều lần, được gia đình hàn gắn nhưng vẫn không giải quyết được.

Đến tháng 02/2019, ông T cùng cháu V về V và ly thân nhân đến nay. Nhiều lần gia đình hàn gắn nhưng không thành, nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, có quay về chung sống cũng không hạnh phúc nên bà xin được ly hôn với ông T.

Về quan hệ con chung: Bà và ông T có 01 con chung tên Phạm Thị Thanh V, sinh ngày 09/10/2016, từ trước đến nay do bà chăm sóc nhưng từ ngày 13/02/2019 ông T cùng cháu V về ở V, nhiều lần bà đến nhà thăm nhưng bị ông T và gia đình ông T ngăn cản. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng vì con bà vẫn chưa đủ 36 tháng tuổi.

Về quan hệ tài sản chung: Bà và ông T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ nợ chung: Bà và ông T không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng ông bà.

Ông Phạm Văn T trình bày: Về điều kiện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn ông đồng ý với lời trình bày của bà M. Ông thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nhiều lần nói chuyện cùng gia đình hàn gắn nhưng không được, vợ chồng ly thân từ tháng 02/2019 đến nay. Bà M đã nộp đơn ly hôn, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông đồng ý ly hôn với bà M.

Về quan hệ con chung: Đồng ý với lời trình bày của bà M. Tuy nhiên, nếu Tòa án giải quyết ly hôn ông yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Thống nhất với lời trình bày của bà M.

Chứng cứ Tòa án thu thập được:

Ông Lê Hùng Tường E cha ruột của bà M trình bày: Bà M và ông T có mâu thuẫn với nhau đã lâu, ông T muốn vợ chồng cùng về nhà ông T để sinh sống nhưng bà M không đồng ý. Hai gia đình có nói chuyện nhưng không hàn gắn được, tháng 02/2019 ông T cùng cháu V về V sinh sống, bà M nhiều lần qua thăm con và muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông T và gia đình ngăn cản, do quá tức giận nên bà M nộp đơn xin ly hôn và yêu cầu nuôi con. Nay bà M xin ly hôn với ông T ông không có ý kiến vì các con đã lớn, do pháp luật giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay các bên bảo lưu ý kiến của mình.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong việc thu thập chứng cứ, xác định tư cách của những người tham gia tố tụng là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử

không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử được đảm bảo.

Về nội dung giải quyết vụ án, xét thấy yêu cầu ly hôn của bà M là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật. Về yêu cầu nuôi con chung, xét thấy cần phải giao cháu V cho ông T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Bà M xin ly hôn với ông T. Ông T hiện đang cư trú tại huyện A, tỉnh An Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà M và ông T có đăng ký kết hôn tại xã V, huyện A, tỉnh An Giang vào năm 2012 nên phát sinh trách nhiệm pháp lý, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, nên được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của bà M xin được ly hôn với ông T, HĐXX xét thấy: Bà M xin ly hôn, tại phiên tòa hôm nay ông T đồng ý ly hôn. Mặc dù đã được động viên và hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, bà M vẫn cương quyết xin được ly hôn với ông T và ông T cũng đồng ý ly hôn với bà M. Do đó, HĐXX công nhận bà M và ông T thuận tình ly hôn.

Về quan hệ con chung: Bà M và ông T thống nhất có một con chung tên tên Phạm Thị Thanh V, sinh ngày 09/10/2016, từ trước đến nay do bà chăm sóc nhưng từ ngày 13/02/2019 ông T cùng cháu Vân về ở V, nhiều lần bà đến nhà thăm nhưng bị ông T và gia đình ông T ngăn cản. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng vì con bà vẫn chưa đủ 36 tháng tuổi. Ông T cũng yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con.

Xét về yêu cầu nuôi con chung của hai bên, HĐXX nhận thấy: Hiện nay cháu V sinh ngày 09/10/2016 là chưa đủ 36 tháng tuổi, theo quy định tại điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì sẽ do người mẹ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tuy nhiên từ ngày 13/02/2019 đến nay cháu V đã được ông T chăm sóc nuôi dưỡng, để đảm bảo sự ổn định về mặt tâm lý, sự gắn bó tình cảm giữa cha con với nhau cũng như quyền lợi về mọi mặt của cháu V, nghĩ nên giao cháu V cho ông T được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Tuy nhiên cũng cần phải nhắc nhở ông T về việc trong thời gian nuôi dưỡng cháu V đã có hành vi cản trở, gây khó khăn cho bà M trong việc đến thăm con chung, hành vi này là trái với quy định của pháp luật và cần phải được chấm dứt.

Theo quy định, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên tại phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay ông T không yêu cầu bà M cấp dưỡng, HĐXX nghĩ nên cần phải công nhận sự tự nguyện này của ông T.

Hội đồng xét xử cũng giải thích cho bà M và ông T biết: Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định, sẽ có thay đổi khi có yêu cầu chính đáng của một hoặc cả hai bên và trong thời gian nuôi con ông T phải có nghĩa vụ tạo điều kiện cho bà M đến thăm con chung, không ai cản trở bà M thực hiện quyền này.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bà M và ông T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

***Áp dụng:* Các Điều 51, 53, 56, điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.**

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Diễm M.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Diễm M và ông Phạm Văn T.

Về quan hệ con chung: Ông T được tiếp tục nuôi cháu Phạm Thị Thanh V, sinh ngày 09/10/2016, công nhận sự tự nguyện của ông T về việc không yêu cầu bà M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T và những người thân trong gia đình phải tạo điều kiện cho bà M đến thăm con chung, không ai được cản trở bà M thực hiện quyền này.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định sẽ thay đổi khi có yêu cầu chính đáng của một hoặc cả hai bên.

Về án phí: Bà Lê Thị Diễm M phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm (được chuyển từ tiền tạm ứng án phí mà bà M đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A theo biên lai thu số 0011122 ngày 26/02/2019).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14/5/2019) các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

(Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- VKS huyện;
- TAT An Giang;
- THA huyện;
- Các đương sự;
- Lưu VP;
- Lưu HS.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thanh Hoàng